

Lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái:

Công cụ quản lý bền vững tài nguyên và môi trường ở Việt Nam

VŨ VĂN DOANH*
DOÃN HÀ PHONG**

Lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái là công cụ còn khá mới mẻ ở Việt Nam, nhưng trên thế giới nó đang ngày càng thể hiện rõ vai trò quan trọng, giúp nhà quản lý xác định được giá trị thực của các hệ sinh thái. Bài viết sẽ phân tích thực trạng việc lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái ở nước ta, trên cơ sở đó đưa ra kiến nghị nhằm đẩy mạnh việc áp dụng phương pháp này trong thời gian tới.

THỰC TRẠNG

Lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái, hay nói cách khác là lượng hóa giá trị kinh tế của tài nguyên và môi trường, là quá trình phân tích, đánh giá các giá trị về mặt lý - hóa - sinh của các thành phần tài nguyên, môi trường và quy đổi các giá trị này sang đơn vị tiền tệ. Đây là một lĩnh vực đang được quan tâm trong bối cảnh nguồn ngân sách dành cho sự nghiệp bảo vệ môi trường ở nước ta không nhiều, cơ quan nhà nước phải đưa ra những quyết định hết sức khó khăn về việc phân bổ hợp lý các khoản đầu tư công nhằm bảo vệ và phục hồi môi trường tự nhiên.

Tổng cục Môi trường cũng đã quy định hướng dẫn việc thực hiện để phân tích lựa chọn các dự án bảo vệ đa dạng sinh học trong Quyết định số 1551/QĐ-TCMT, ngày 12/12/2011.

Để lượng hóa giá trị của các hệ sinh thái ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã sử dụng 3 nhóm phương pháp chủ yếu được đề xuất bởi Barbier (1997) như sau:

Nhóm 1: Phương pháp dựa vào thị trường thực

Phương pháp giá thị trường (Market Price Method):

Là phương pháp ước lượng kinh tế của hệ sinh thái thông qua các sản phẩm và dịch vụ hệ sinh thái được trao đổi, buôn bán trên thị trường, cụ thể là lượng hóa sự thay đổi về số lượng, hoặc chất lượng của hàng hóa, dịch vụ đó. Phương pháp này được sử dụng để đo lường giá trị sử dụng trực tiếp, đặc biệt là các sản phẩm, hàng hóa hệ sinh thái.

Phương pháp thay đổi năng suất (Productivity Change Method): Phương pháp này coi sự thay đổi trong năng suất là cơ sở đo lường giá trị, đồng thời sử dụng giá thị trường để tính toán đầu vào và đầu ra trong sản xuất và lượng hóa những thay đổi vật lý ở quá trình này.

Phương pháp chi phí sức khỏe (Cost of Illness): Sử dụng để lượng hóa chi phí của bệnh tật do ô nhiễm môi trường gây ra. Trong phương pháp này, hàm thiệt hại liên kết giữa mức độ ô nhiễm với mức độ tác động lên sức khỏe. Chi phí bệnh tật bao gồm các chi phí: chữa bệnh, chi phí cơ hội do nghỉ làm việc, hay mất thời gian làm việc và chi phí người thân chăm sóc người bệnh.

Phương pháp chi phí thay thế (Replacement Cost): Ước lượng hóa giá trị dịch vụ của hệ sinh thái thông qua việc xác định các chi phí để tạo ra hàng hóa và dịch vụ có tính năng tương tự. Phương pháp này tính các chi phí để thay thế, hoặc phục hồi những tài sản môi trường đã bị thiệt hại và dùng các chi phí này để đo lường lợi ích của việc phục hồi.

*ThS., Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Email: doanh2002vn@yahoo.com

** PGS, TS., Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Phương pháp chi phí thiệt hại tránh được (Avoided Cost): Đo lường giá trị của hệ sinh thái thông qua việc tính toán giá trị tài sản được bảo vệ, hoặc chi phí cho các hoạt động nhằm tránh được những thiệt hại đó. Sử dụng phương pháp này để đánh giá sự tăng thêm trong giá trị sử dụng của hệ sinh thái thông qua việc tiết kiệm chi phí phòng ngừa.

Phương pháp phân tích cư trú tương đương (Habitat Equivalency Analysis): Dùng để ước tính các giá trị kinh tế cho những dịch vụ của hệ sinh thái bằng cách chuyển đổi những thông tin về giá trị của lợi ích tương đương đã được tiến hành tại một địa điểm khác sang địa điểm nghiên cứu. Như vậy, mục đích cơ bản của phương pháp này là chuyển những ước tính hiện hành của giá trị môi trường từ nơi này sang nơi khác. Phương pháp này thường được sử dụng khi không đủ thời gian, nguồn vốn hoặc thiếu thông tin.

Nhóm 2: Phương pháp dựa vào thị trường thay thế

Phương pháp chi phí du lịch (Travel Cost Method): Là phương pháp về sự lựa chọn ngầm có thể dùng để ước lượng đường cầu đối với các nơi vui chơi, giải trí, từ đó lượng hóa giá trị kinh tế của các cảnh quan này. Giả thiết cơ bản của phương pháp này rất đơn giản, đó là chi phí phải bỏ ra để tham quan một điểm du lịch giải trí, phần nào phản ánh được giá trị giải trí của nơi đó.

Phương pháp giá trị hưởng thụ (Hedonic Pricing Method): Sử dụng để đo lường giá trị kinh tế của dịch vụ sinh thái và môi trường được phản ánh ẩn qua giá thị trường của một loại hàng hóa hay dịch vụ nào đó.

Phương pháp hàm sản xuất (Production Function Approach): Là phương pháp lượng hóa giá trị kinh tế dựa vào thị trường thay thế để tính toán các giá trị môi trường cung cấp cho hệ thống kinh tế, thường là các giá trị sử dụng gián tiếp.

Nhóm 3: Phương pháp dựa vào thị trường giả định

Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (Contingent Valuation Method): Là phương pháp lượng hóa phi thị trường được sử dụng để ước lượng hóa trị các hàng hóa và dịch vụ môi trường gồm cả giá trị sử dụng và phi sử dụng.

Phương pháp mô hình lựa chọn (Choice Modelling): Đánh giá giá trị phi sử dụng của tài nguyên thông qua việc xây dựng hai hay nhiều kịch bản giả định, mỗi kịch bản có nhiều thuộc tính khác nhau. Thông qua sự lựa chọn của cá nhân với từng kịch bản, có thể ước lượng được phúc lợi cá nhân khi tham gia kịch bản và sự đánh đổi về giá trị giữa các thuộc tính trong kịch bản.

Ngoài 3 nhóm chính kể trên, còn có một số phương pháp khác, như: chuyển giao lợi ích, phân tích chi phí - lợi ích cũng được sử dụng để lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái ở Việt Nam.

Thông qua nghiên cứu về việc áp dụng các phương pháp lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái ở nước ta, nhóm tác giả nhận thấy một số điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, việc lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái chủ yếu mới chỉ thực hiện ở giá trị sử dụng trực tiếp của hệ sinh thái thông qua phương pháp dựa vào thị trường thực.

Như đã nói ở trên, việc lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái đã được các nhà khoa học, các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm hơn, điều này thể hiện rất rõ qua việc tăng nhanh số lượng các công trình nghiên cứu và các đối tượng được lượng hóa khác nhau. Tuy nhiên, trong 3 nhóm phương pháp thường được sử dụng để lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái, thì nhóm phương pháp được sử dụng phổ biến nhất ở Việt Nam hiện nay là phương pháp dựa vào thị trường thực. Phương pháp này được sử dụng khá rộng rãi vì dễ thu thập dữ liệu, công thức sử dụng không phức tạp, có thể thu thập số liệu từ nhiều nguồn thông tin trực tiếp, hoặc gián tiếp. Đây cũng là phương pháp phù hợp nhất để áp dụng là giá trị sử dụng trực tiếp của hệ sinh thái. Cụ thể là các nghiên cứu về giá trị sử dụng trực tiếp của các hệ sinh thái rừng (rừng ngập mặn hay rừng lục địa), giá trị sử dụng trực tiếp của khu vực đất ngập nước (như: đầm nuôi, ao hồ, thủy vực)...

Thứ hai, nhóm phương pháp lượng hóa cho các giá trị sử dụng gián tiếp và giá trị phi sử dụng chưa được sử dụng rộng rãi.

Trong thời gian gần đây, hai nhóm phương pháp: dựa vào thị trường thay thế và dựa vào thị trường giả định đang được áp dụng ở Việt Nam. Hai nhóm này thường áp dụng với các giá trị sử dụng gián tiếp, giá trị phi sử dụng của các hệ sinh thái, như: bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm nhẹ tác động của thiên tai... Đặc biệt, trong các nhóm này có phương pháp mô hình lựa chọn - phương pháp lượng hóa phức tạp nhất - cũng bắt đầu được thực hiện trong một số dự án nghiên cứu, như nghiên cứu của Đỗ Nam Thắng (2012) trong việc ước lượng hóa trị đất ngập nước ở Đồng bằng sông Cửu Long và kết quả tính toán được tổng sự sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện khu đất ngập nước này là từ 1,8-2,3 triệu USD. Tuy vậy, phương pháp này có thể gây sai lệch do tính giả định của các kịch bản, nên chưa được sử dụng rộng rãi.

Thứ ba, đối tượng được lượng hóa giá trị kinh tế đang còn hạn chế, mới chỉ tập trung các khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm được cộng đồng quốc tế quan tâm.

Việc định giá kinh tế cho các hệ sinh thái ở nước ta mới chỉ áp dụng cho những

khu vực mà hệ sinh thái có nguy cơ suy giảm giá trị sử dụng, hoặc khu vực có ý nghĩa khoa học được cộng đồng quốc tế quan tâm, như: rừng ngập mặn, rừng lục địa, hệ sinh thái san hô, đất ngập nước... Bên cạnh đó, việc lượng hóa giá trị của các hệ sinh thái còn hạn chế do việc định giá đòi hỏi khối lượng lớn thông tin nền về các điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội. Đây là khó khăn không chỉ ở Việt Nam, mà ngay cả ở các quốc gia phát triển.

Thứ tư, kết quả lượng hóa giá trị của các hệ sinh thái đang còn tồn tại sai số khá lớn.

Trong điều kiện thông tin dữ liệu cơ sở ở nước ta chưa hoàn thiện, khó có thể lượng hóa được giá trị kinh tế tổng thể của các hệ sinh thái, thậm chí trên cùng một hệ sinh thái, nhưng khác nhau về điều kiện hình thành, vị trí địa lý... Các nghiên cứu mặc dù áp dụng cách tiếp cận giá trị tổng thể cho các hệ sinh thái, song chưa xác định rõ những giá trị nào lượng hóa được và những giá trị nào không lượng hóa được trong phạm vi nghiên cứu của mình. Ví dụ, Nguyễn Quang Hồng (2005) trong nghiên cứu *Đánh giá giá trị kinh tế của vườn quốc gia Ba Bể* đã xác định được giá trị giải trí thông qua phương pháp chi phí du lịch khoảng 2,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu là chưa xác định được giá trị giải trí mang lại cho du khách nước ngoài... Hay trong cùng một nghiên cứu về giá trị một hệ sinh thái của 3 nhóm nghiên cứu khác nhau, thì kết quả đưa ra không giống nhau. Nguyên nhân do cơ sở dữ liệu thu thập trong tính toán không thống nhất và đồng bộ, mức độ am hiểu xác định giá trị khác nhau, hay quy trình lượng hóa không như nhau.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Để nâng cao hiệu quả lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái ở Việt Nam trong thời gian tới, nhóm tác giả đưa ra một vài kiến nghị như sau:

Một là, thay đổi cách nhìn về giá trị của tài nguyên và môi trường để lượng hóa chính xác giá trị kinh tế của hệ sinh thái. Hiện nay, giá trị của tài nguyên và môi trường thường chỉ được hiểu là những giá trị sử dụng trực tiếp từ chúng, cụ thể như: đất ngập nước để nuôi thủy sản, tài nguyên rừng để lấy gỗ củi, tài nguyên đất để ở hoặc sản xuất... Tuy nhiên, bên cạnh giá trị sử dụng trực tiếp, thì tài nguyên và môi trường còn bao hàm cả những giá trị gián tiếp và giá trị phi sử dụng. Với cách nhìn không đầy đủ như vậy, nên giá trị gián tiếp và giá trị phi sử dụng thường bị bỏ qua trong quản lý tài nguyên và môi trường. Đây chính là lý do khiến việc lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái hiện nay ở nước ta chưa xác định chính xác, đầy đủ.

Hai là, huy động sự tham gia, phối hợp giữa nhà kinh tế học, các nhà khoa học về sinh thái - môi trường và nhà quản lý trong lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái. Kiến thức sử dụng trong lượng hóa là kiến thức liên ngành, do đó, để có thể hạn chế những sai số trong kết quả nghiên cứu của lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà kinh tế học, sinh thái học và nhà quản lý trong việc xác định chính xác các giá trị kinh tế của chúng.

Ba là, chuẩn hóa quy trình lượng hóa, hệ công thức sử dụng và tiến tới hình thành chính sách quy định phương pháp lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái. Trong thời gian tới, việc áp dụng phương pháp lượng hóa sẽ được sử dụng rộng rãi, vì ngoài xác định giá trị phục vụ quản lý bảo tồn các hệ sinh thái, thì chúng còn áp dụng để xác định bồi thường thiệt hại trong tranh chấp, xung đột môi trường... Vì vậy, sẽ có nhiều nghiên cứu hơn về lượng hóa giá trị kinh tế của các hệ sinh thái trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nên việc tiếp tục hoàn thiện phương pháp luận, thống nhất được quy trình lượng hóa cho các đối tượng cụ thể là điều cần thiết. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Môi trường (2011). *Quyết định số 1551/QĐ-TCMT, ngày 12/12/2011 về việc ban hành hướng dẫn phân tích chi phí - lợi ích của công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại một số vườn quốc gia đại diện tiêu biểu cho hệ sinh thái đất ngập nước*
2. Phan Nguyên Hồng, Nguyễn Hoàng Trí, Đỗ Văn Nhượng, Nguyễn Thế Chinh (2000). *Định giá kinh tế rừng ngập mặn Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh*
3. Nguyễn Quang Hồng (2005). *Đánh giá giá trị kinh tế của Vườn Quốc gia Ba Bể, Luận án Thạc sỹ kinh tế*
4. Đinh Đức Trường (2010). *Đánh giá giá trị kinh tế phục vụ quản lý đất ngập nước - áp dụng tại vùng đất ngập nước của sông Ba Lạt, tỉnh Nam Định*
5. Đỗ Nam Thắng (2012). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn lượng hóa giá trị tài nguyên, môi trường ở Việt Nam, *Tạp chí Môi trường*, số 04/2012
6. Barbier, E.B, Acreman, M and Knowler, D. (1997). *Economic valuation of wetlands: A guide for policy market and planners*